

Cập nhật các khuyến cáo phòng ngừa bệnh zona ở bệnh nhân cơ xương khớp

PGS. TS. BS. CAO THANH NGỌC

Trưởng khoa Nội cơ xương khớp, Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM

Hội nghị được tổ chức bởi LCH bệnh tự miễn cơ xương khớp TP.HCM & được tài trợ bởi GSK

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Nội dung

1. Tổng quan về bệnh zona
2. Tình hình nhiễm zona ở bệnh nhân bệnh cơ xương khớp
3. Khuyến cáo phòng ngừa bệnh zona ở bệnh nhân cơ xương khớp
4. Hiệu quả của vắc xin ngừa zona

Tổng quan về bệnh zona

3

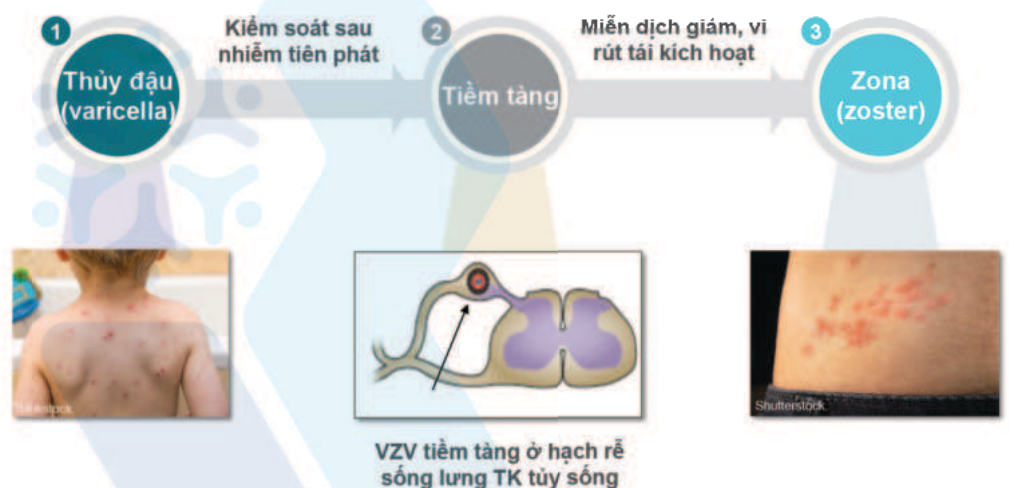
Tài liệu dành cho CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025

Bệnh zona xảy ra do sự tái kích hoạt của vi rút varicella zoster

Varicella-zoster virus (VZV) gây 2 thể bệnh:

Thủy đậu
(chickenpox):
nguyên phát

Zona (shingles): tái
hoạt



>90% người lớn ≥ 50 tuổi ĐÃ nhiễm VI RÚT THỦY ĐẬU (VZV) và có nguy cơ mắc bệnh ZONA^{1*}

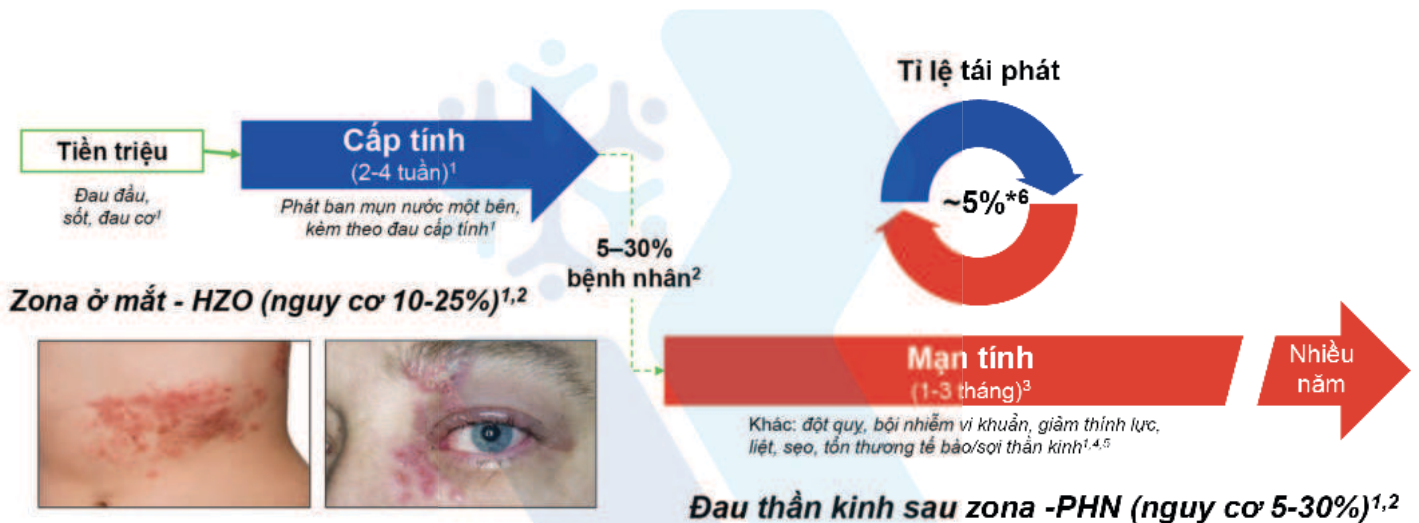
*US data; ~99.7% VZV seropositive. May not be representative of global population. RZV is not indicated for prevention of primary varicella infection (chickenpox).

Hai hình ảnh được sao lại từ Shutterstock; hình ảnh VZV tiềm ẩn trong hạch rễ lưng được sao chép từ Zerbini L, et al. 2014.

1. Kilgore LE, et al. J Med Virol. 2003;70(suppl 1):S111-S18. 2. Harpaz R, et al. MMWR Recomm Rep 2008;57:1-30. 3. Kawai K, et al. BMJ Open. 2014 Jun;4(6):e004833. 4. Pinchnat S, et al. BMC Infect Dis. 2013 April;13(170):1471-2334. 5. Li Y, et al. PLoS One 2016;11:e0152600

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Diễn biến tự nhiên zona bao gồm giai đoạn cấp tính, sau đó có thể xuất hiện các biến chứng mạn tính



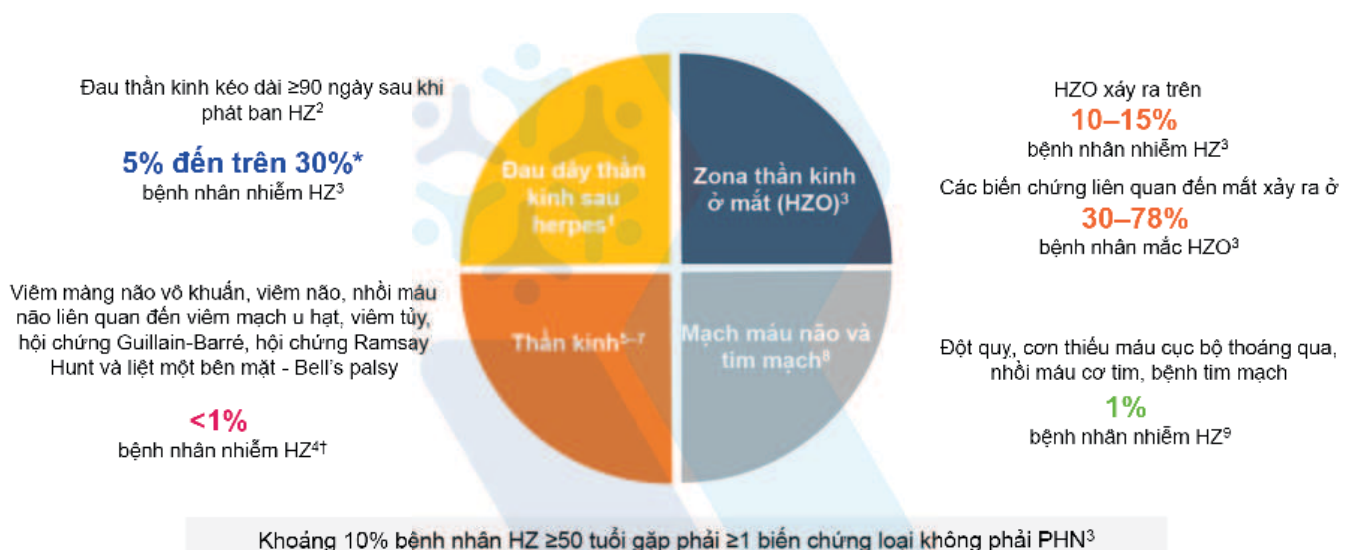
* Theo dõi trong khoảng thời gian ~8 năm
HZO: Zona thần kinh ở mắt; PHN: Đau dây thần kinh sau herpes

1. Harpaz R et al. *MMWR Recomm Rep* 2008;57:1-30; 2. Kawai K et al. *BMJ Open* 2014;4:e004883; 3. Dworkin RH et al. *J Pain* 2008;9:S37-44; 4. Dworkin RH et al. *Clin Infect Dis* 2007;44:S1-26; 5. Nagel MA, Gilden D. *Curr Neurol Neurosci Rep* 2015;15:16; 6. Yawn BP et al. *Mayo Clin Proc* 2011;86:88-93

5

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Đối với nhiều bệnh nhân, zona có thể dẫn đến các biến chứng nghiêm trọng



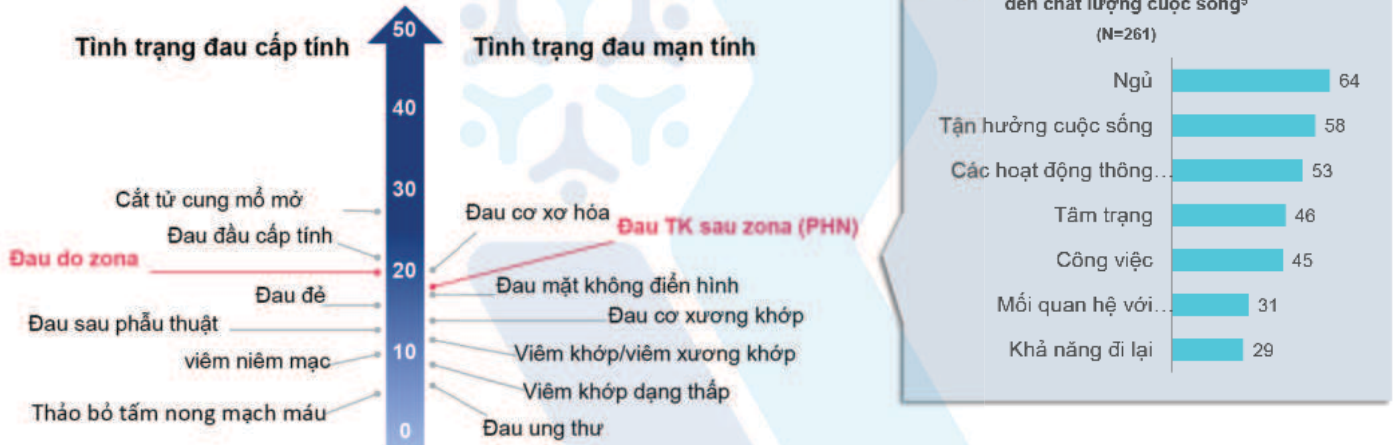
* Dữ liệu được thu thập từ 28 quốc gia, nguy cơ mắc PHN có thể khác nhau giữa các quốc gia do tần suất khuyết tật khác nhau và các bệnh lý nền khác ở người cao tuổi; $\dagger \geq 50$ tuổi. HZ: Herpes zoster; HZO: Zona thần kinh ở mắt; PHN: Đau dây thần kinh sau herpes.

1. Cohen JL et al. *N Engl J Med* 2013;369:255-263; 2. Harpaz R et al. *MMWR Recomm Rep* 2008;57:1-30; 3. Kawai K et al. *BMJ Open* 2014;4:e004833; 4. Meyers J et al. *Vaccine* 2019;37:1235-1244; 5. Nakajima H et al. Neurological complications of varicella-zoster virus infection. In: Thomasini RL (ed). *Human Herpesvirus Infection - Biological Features, Transmission, Symptoms, Diagnosis and Treatment*. InTechOpen, 2019. doi: 10.5772/intechopen.83036; 6. Kang JH et al. *Clin Infect Dis* 2010;5:525-530; 7. Zandian A et al. *Med Sci Monit* 2014;20:83-90; 8. Erskine N et al. *PLoS One* 2017;12:e0181665; 9. Sundström K et al. *BMC Infect Dis* 2015;15:488

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Cơn đau do bệnh zona có thể khiến bệnh nhân cực kỳ suy nhược và ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống¹⁻³

Mức độ đau được báo cáo cho các tình trạng khác nhau bằng cách sử dụng Bảng câu hỏi McGill Pain rút gọn⁴

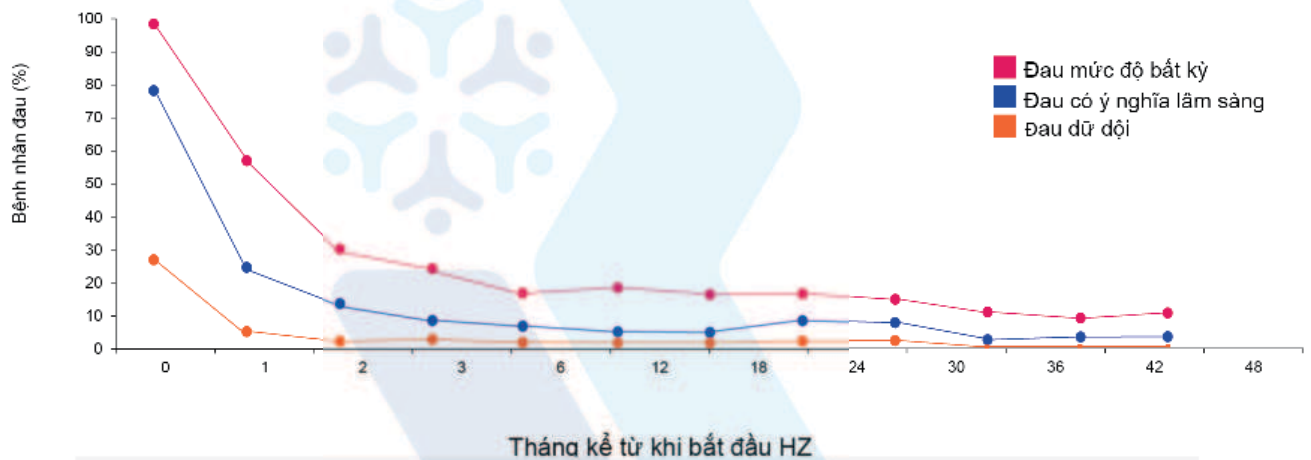


HZ, herpes zoster; IAC, Immunization Action Coalition; PHN, post-herpetic neuralgia. Figure reproduced from Katz J et al. *Surg Clin North Am* 1999;79:231-252, with permission from Elsevier

1. Tuzi A, Watson CP. Herpes zoster: A patient's perspective. In: Watson CP et al. (eds). *Herpes Zoster: Postherpetic Neuralgia and Other Complications*. Cham, Switzerland: Adis, 2017; 2. Zamula E. Immunization Action Coalition 2001. Available at: <https://www.immunize.org/reports/report089.asp> (accessed February 2021); 3. Centers for Disease Control and Prevention. Shingles (herpes zoster): Fact Sheet 2018; 4. Katz J et al. *Surg Clin North Am* 1999;79:231-252. 5. Drolet M, et al. *CMAJ* 2010;182(18):1731-1736 (appendix). Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Cơn đau sau zona có thể kéo dài hàng tháng thậm chí hàng năm

Cơn đau được báo cáo theo thời gian sau khi khởi phát HZ* (N=566)



Hơn 70% bệnh nhân báo cáo đau đáng kể về mặt lâm sàng

*Clinically significant pain was defined by a score of >20 on a visual-analogue scale ranging from 0-100, with 100 indicating maximum pain. Severe pain was defined as a score of >70. Error bars denote 95% confidence intervals. HZ, herpes zoster. Figure from Johnson AR, Rice ASC. *N Engl J Med* 2014;371:1526-1533 Copyright © 2014 Massachusetts Medical Society. Reprinted with permission from Massachusetts Medical Society

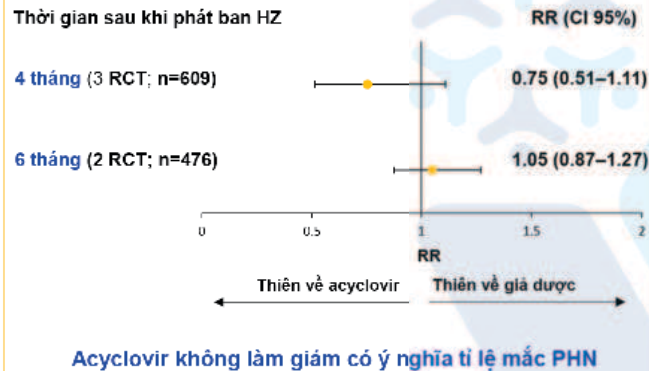
Johnson AR, Rice ASC. *N Engl J Med* 2014;371:1526-1533

8

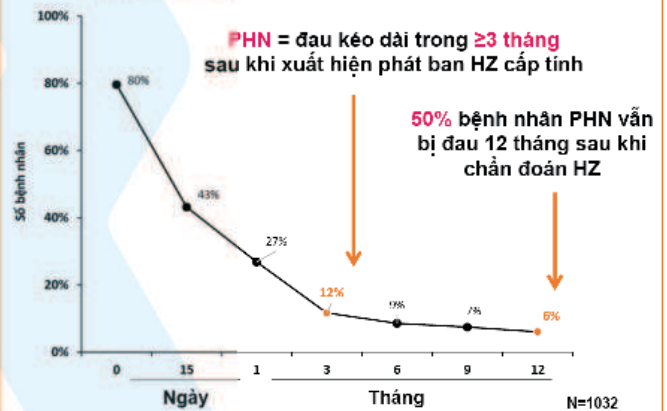
Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Hiệu quả của các liệu pháp kháng virus nhằm ngăn ngừa đau sau zona vẫn còn hạn chế

Tỉ lệ mắc PHN trong 5 RCT, đánh giá acyclovir so với giả dược¹



Tần suất đau do HZ và đau sau zona ở bệnh nhân ≥ 50 tuổi được điều trị bằng các loại thuốc kháng virus²



1. Chen N et al. Cochrane Database Syst Rev 2014;6:CD006866
2. Bouhassira D et al. Pain 2012;153:342–349

9

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Gánh nặng chi phí điều trị zona: trực tiếp và gián tiếp

Chi phí thành phần



Chi phí trực tiếp^{1,2}

Chi phí gián tiếp^{1,2}

- Thăm khám chăm sóc ban đầu
- Điều trị nội trú / điều trị ngoại trú
- Mất năng suất công việc (đặc biệt ở bệnh nhân trẻ tuổi)
- Ảnh hưởng đáng kể tới người chăm sóc bệnh nhân lớn tuổi



Các chỉ số về chi phí cao cho HZ bao gồm: ²



- Mức độ nghiêm trọng của bệnh/đau
- Nằm viện kéo dài
- Bệnh đồng mắc
- Các biến chứng, bao gồm PHN và các biến chứng về mắt

Chi phí trung bình khi không có biến chứng

= \$11,282

Chi phí khi có Biến chứng thần kinh tăng lên

= \$29,604³

HZ, herpes zoster; PHN, post herpetic neuralgia. Image from Shutterstock

1. Oster A et al. BMC Public Health 2010;10:193; 2. Ponatto D et al. Hum Vaccin Immunother 2015;11:245–262; 3. Meyers JJ et al. Vaccine 2019;37:1205–1244 [plus supplementary material]

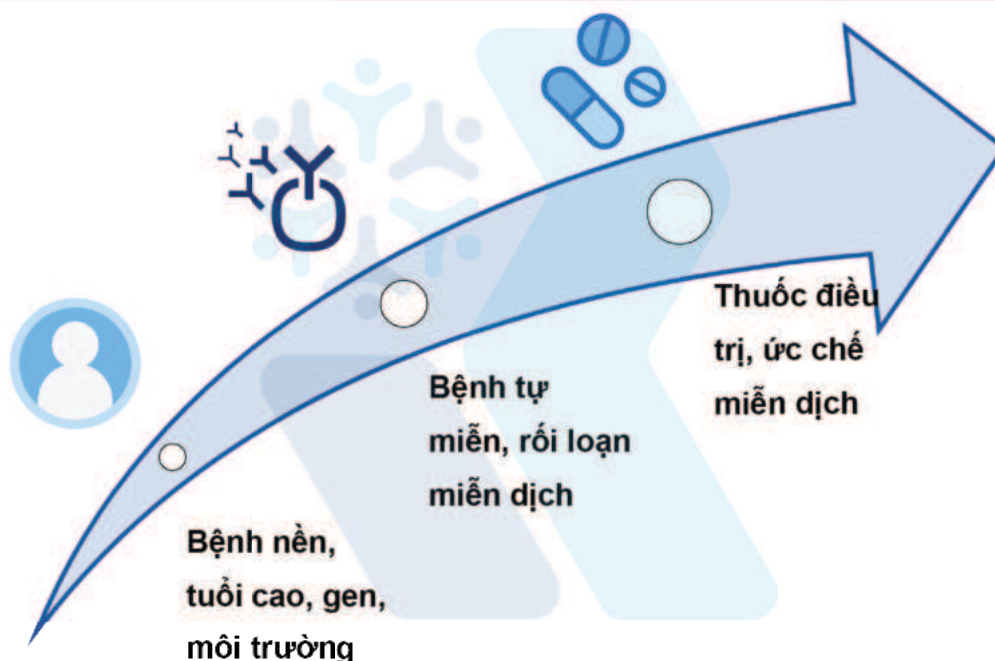
Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Tình hình nhiễm zona ở bệnh nhân cơ xương khớp

11

Tài liệu dành cho CBYT. PM-VN-SGX-PPTX-250017. ADD 03/2025

Nguy cơ nhiễm trùng và bệnh cơ xương khớp



12

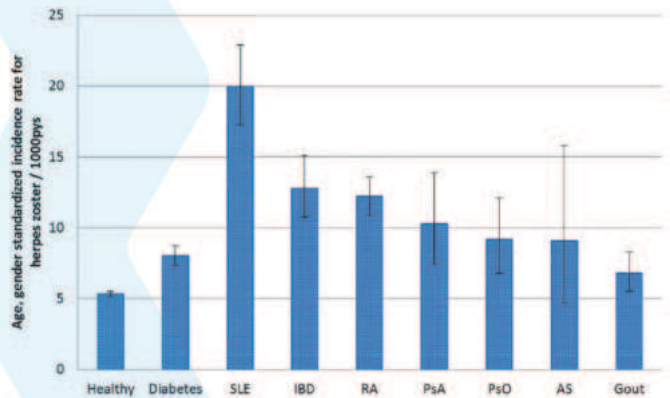
Steinmann, M., et al. (2024). *Infection*, 52(3), 1009-1026.

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Nguy cơ nhiễm Herpes Zoster

	Cohorts								
	Healthy*	Diabetes	SLE	IBD	RA	PsA	PsO	AS	Gout
	IR	IR	IR	IR	IR	IR	IR	IR	IR
Age group									
21-30	2.7	7.8	24.6	11.6	6.6	N/A	5.9	N/A	2.9
31-40	3.3	5.3	15.2	5.6	8.2	9.8	3.7	8.1	5.2
41-50	3.9	5.3	17.5	10.4	10.0	8.5	6.4	5.1	6.1
51-60	5.8	8.2	20	11.7	14.6	13.2	9.7	8.3	6.9
61-70	8.5 (referent)	11.0	22.7	19.0	17.1	15.9	13.3	14.3	9.5
71-85+	10.6	13.0	20.9	23.8	21.3	19.4	21.2	26.3	13.3

* Individuals without autoimmune, inflammatory conditions or diabetes



Tỷ lệ mắc bệnh zona cao GẤP 2-4 lần ở bệnh nhân có bệnh tự miễn

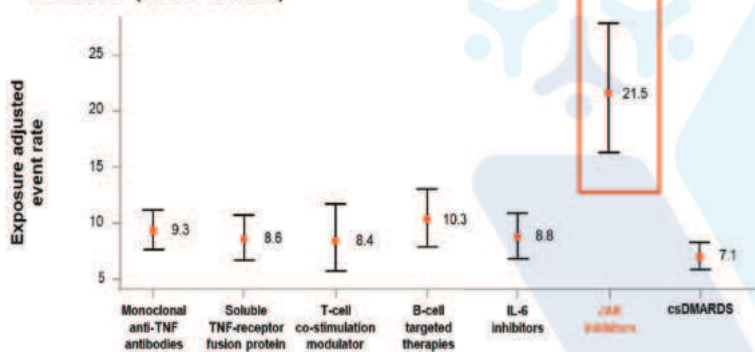
Yun, H., et al. (2016). Risk of herpes zoster in autoimmune and inflammatory diseases: implications for vaccination. *Arthritis & rheumatology*, 68(9), 2328-2337.

13

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Tỷ lệ mắc zona cao ở BN điều trị với các liệu pháp chống thấp khớp nhắm trúng đích

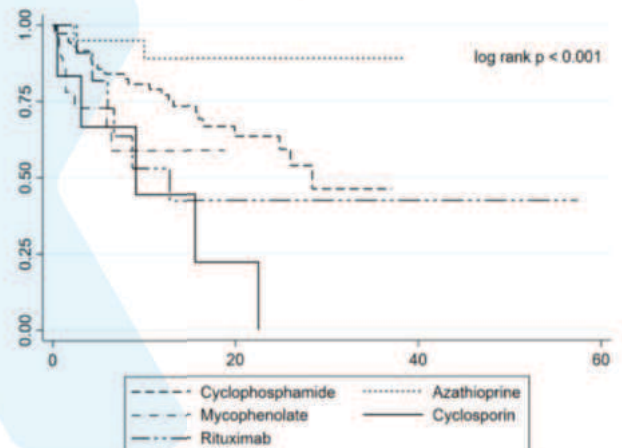
A prospectively study from The German Rheumatoid Arthritis: Observation of biologic therapy register, RABBIT (2007-2020)¹



csDMARDs: Thuốc chống thấp làm thay đổi bệnh cổ điển
tsDMARDs: DMARDs nhắm đích tổng hợp

CI, confidence interval; csDMARDs, conventional synthetic disease-modifying antirheumatic drugs; HZ, herpes zoster; IL-6, interleukin 6; JAK, Janus kinase; RA, rheumatoid arthritis; TNF, tumour necrosis factor. Event rate: per 1000 PY
1. Redeker I, et al. *Ann Rheum Dis*. 2022;81:41-47.

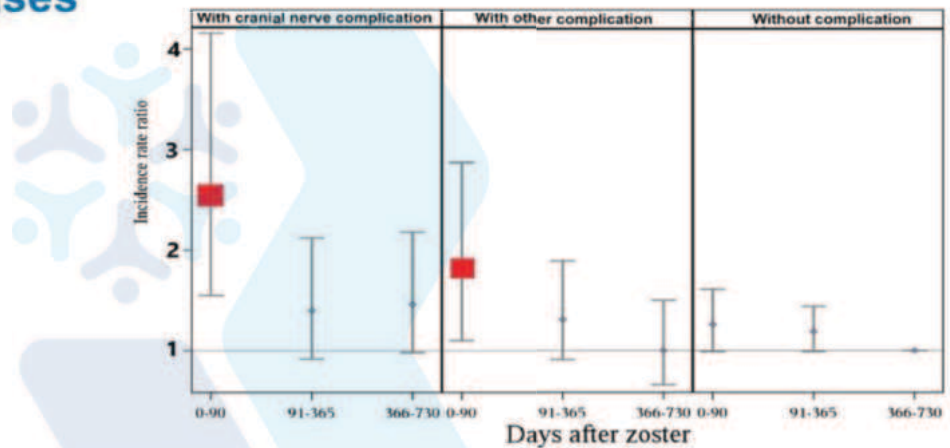
Herpes zoster in lupus nephritis: experience on 292 patients followed up for 15 years



Front Immunol. 2023 Nov 22;14:1293269.

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Herpes Zoster and the Risk for Stroke in Patients with Autoimmune Diseases



Conclusion—In patients with autoimmune diseases, incident HZ was associated with up to a two-fold increased risk for stroke in the subsequent few months. These data provide urgency for developing strategies to reduce the risk of VZV.

ARTHRITIS RHEUMATOL. 2017 FEBRUARY ; 69(2): 439–446

Tài liệu dành cho CBYT. PM-VN-SGX-PPTX-250017. ADD 03/2025

Khuyến cáo phòng ngừa bệnh zona ở bệnh nhân cơ xương khớp

2022 American College of Rheumatology Guideline for Vaccinations in Patients With Rheumatic and Musculoskeletal Diseases

1. Nên tiêm vắc-xin phế cầu cho tất cả BN RMD đang dùng thuốc ức chế miễn dịch;
2. Khuyến cáo mạnh tiêm vắc-xin zona tái tổ hợp cho BN RMD >18 tuổi đang dùng thuốc ức chế miễn dịch;
3. Nên tiêm vắc-xin cúm mùa cho bệnh nhân RMD ngay cả khi bệnh đang hoạt động, và đang dùng glucocorticoid liều cao và/hoặc họ đang dùng rituximab;

RMD: Rheumatic and musculoskeletal diseases

Bass, A. R., et al. (2023). *Arthritis care & research*, 75(3), 449–464.

17

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Những quan ngại chính khi tiêm chủng cho người suy giảm miễn dịch do bệnh lý hoặc liệu pháp ức chế miễn dịch

Loại vắc-xin

Vắc-xin sống giảm độc lực

Vắc-xin bất hoạt, tái tổ hợp
giải độc tố

Quan ngại chính

An toàn: ở người suy giảm miễn dịch do bệnh lý hoặc do thuốc, vắc-xin có thể làm tăng nguy cơ phản ứng sau tiêm chủng; các vắc xin sống, giảm độc lực chống chỉ định đối với người suy giảm miễn dịch nặng^{1,2}

Hiệu quả: những vắc-xin này có thể kém hiệu quả hơn ở đối tượng suy giảm miễn dịch¹

1. Kruger A, et al. Centers for Disease Control and Prevention: 2022. Best Practices Guidance of the Advisory Committee on Immunization Practices (ACIP); General Best Practice Guidelines for Immunization. <https://www.cdc.gov/vaccines/hcp/acip-recs/general-recs/index.html> (accessed October 2022); 2. Miller E, Wodi AP. Centers for Disease Control and Prevention. Epidemiology and Prevention of Vaccine-Preventable Diseases, Chapter 2: General Best Practice Guidance for Immunization. <https://www.cdc.gov/vaccines/pubs/pinkbook/genrec.html> (accessed October 2022)



Hiệu quả của vắc xin ngừa zona

Tài liệu dành cho CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025¹⁹

Mục tiêu phát triển vắc xin

Vắc-xin đặt mục tiêu bảo vệ hai nhóm đối tượng chính có nguy cơ mắc bệnh zona cao



Image source Shutterstock

Người lớn ≥ 50 tuổi

Người lớn suy giảm miễn dịch ≥ 18 tuổi



Image source Getty images

- Được thiết kế để cải thiện đáp ứng miễn dịch và phòng ngừa bệnh zona ở người lớn tuổi^{3,4}
- Được thiết kế để phù hợp để sử dụng cho bệnh nhân suy giảm miễn dịch (IC)²

Phục hồi phản ứng miễn dịch bền vững chống lại VZV^{3,6}:

- Tạo ra phản ứng miễn dịch mạnh mẽ và lâu dài chống lại VZV^{3,6}
- Giải pháp cho sự suy giảm miễn dịch tế bào đặc hiệu đối với VZV (liên quan đến tăng nguy cơ HZ)^{1,3}

1. Bharucha T et al. *Hum Vacc Immunother* 2017;13:1789–1797; 2. Garçon N et al. *Perspect Vaccinol* 2011;1:89–113; 3. Schwarz et al. *Hum Vaccin Immunother* 2018;14:1370–1377; 4. Lal H et al. *N Engl J Med* 2015;372:2087–2096; 5. Cunningham AL et al. *N Engl J Med* 2016;75:1019–1032; 6. Chlibek R et al. *Vaccine* 2014;32:1745–1753

Hiệu quả của RZV

NGHIÊN CỨU RCT PHA III NÒNG CỘT CỦA VẮC XIN TÁI TỔ HỢP: ZOE-50 VÀ ZOE-70^{1,2}

	ZOE-50 ¹ (Zoster-006)	ZOE-70 ² (Zoster-022)
Thiết kế nghiên cứu	Ngẫu nhiên, mù quan sát, đối chứng giả dược, đa trung tâm, Trên 18 quốc gia (Bắc Mỹ, Châu Âu, Mỹ Latinh, Châu Á-Thái Bình Dương)	
Mục tiêu chính	Hiệu lực vắc xin ngừa HZ ở đối tượng ≥50 tuổi	Hiệu lực vắc xin ngừa HZ ở đối tượng ≥70 tuổi
Lịch tiêm	Tiêm 2 mũi cách nhau 2 tháng	
Mục tiêu chính (phân tích tổng hợp) ²	Hiệu lực vắc xin ngừa đau thần kinh sau Zona - PHN ở người ≥ 70 tuổi Hiệu lực vắc xin ngừa bệnh Zona ở những người ≥ 70 tuổi	
Đối tượng nghiên cứu	16.160	14.816

Các nghiên cứu ZOE-50 và ZOE-70 được thực hiện tại cùng một địa điểm
Các đối tượng ≥70 tuổi được chỉ định ngẫu nhiên vào ZOE-50 hoặc ZOE-70

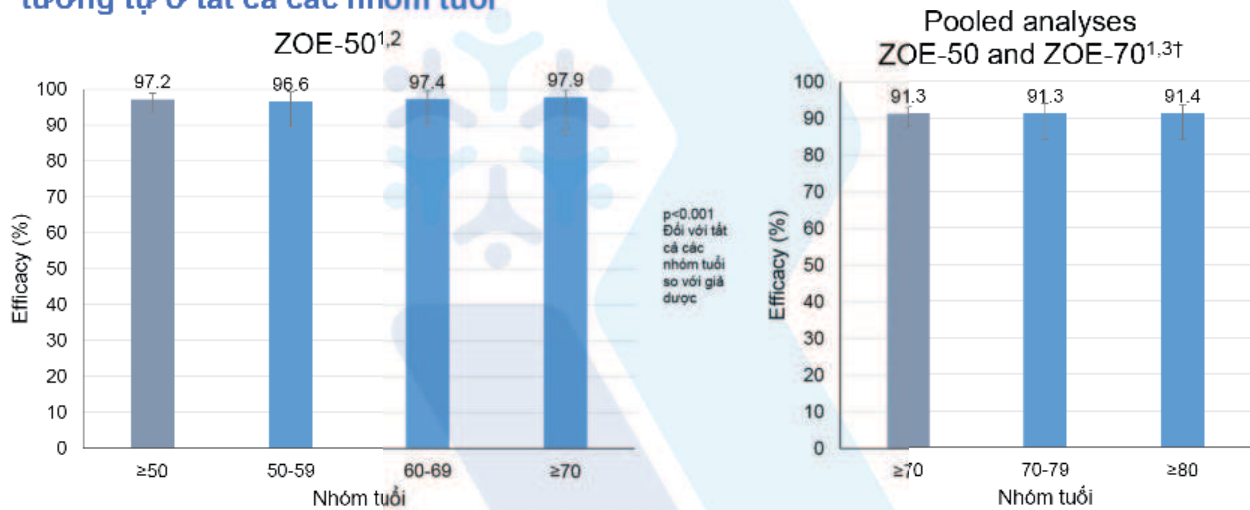
Zoster-006 and Zoster-022 trial identifiers are GSK internal knowledge
HZ, herpes zoster; PHN, postherpetic neuralgia; VE, vaccine efficacy

1. Lal H et al. *N Engl J Med* 2015;372:2087–2096; 2. Cunningham AL et al. *N Engl J Med* 2016;75:1019–1032

Tài liệu dành cho CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025

Hiệu quả của RZV

Hiệu lực chung của vắc xin RZV đối với người trên 50 tuổi lên đến 97.2% và cao tương tự ở tất cả các nhóm tuổi *



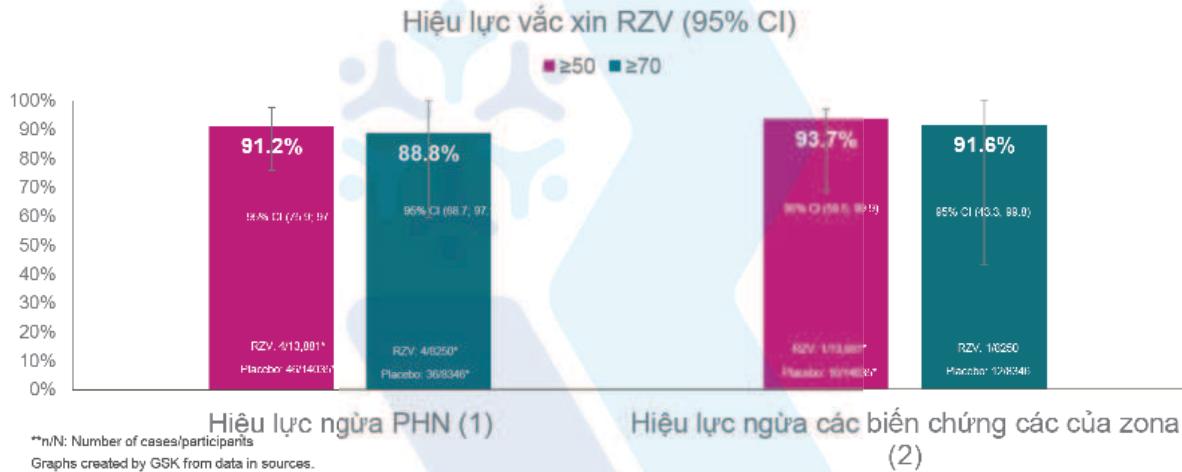
*In ZOE-50, RZV had a VE against HZ of 97.2% (95% CI: 93.7–99.0) in adults ≥50 years of age; n/N RZV (6/7344) vs. placebo (210/7415).¹ In ZOE-50 and ZOE-70 pooled, RZV has a VE against HZ of 91.3% (95% CI: 86.8–94.5) in the pooled analysis of subjects ≥70 years old from ZOE-50/70; n/N RZV (25/8250) vs. placebo (284/8346).[†] Included 7344 randomised subjects ≥50 YOA who received second dose of the vaccine and did not develop shingles within 1 month after the second dose.²
RZV, recombinant zoster vaccine; YOA, years of age.

1. European Medicines Agency: Shingrix summary of product characteristics (annex 1) <https://www.ema.europa.eu/en/medicines/human/EPAR/shingrix> (accessed May 2023). 2. Lal H, et al. *N Engl J Med*. 2015 May;372(22):2087-96. 3. Cunningham AL; *N Engl J Med*. 2016;375:1019-32. Graphs created by GSK from data in sources.

Tài liệu dành cho CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025

Hiệu quả của RZV

RZV giảm có ý nghĩa nguy cơ đau thần kinh sau zona (PHN) và các biến chứng khác do phòng ngừa được Zona



PHN is defined as HZ-associated pain rated as ≥ 3 on a 0-10 scale, occurring or persisting for at least 90 days following the onset of rash using the Zoster Brief Pain Inventory questionnaire.¹

Other complications included HZ vasculitis, disseminated disease, ophthalmic disease, neurological disease, visceral disease, and stroke.²

Pooled data from ZOE-50 (subjects ≥ 50 years old) and ZOE-70 (subjects ≥ 70 years old).²

CI, confidence interval; HZ, herpes zoster; PHN, postherpetic neuralgia; RZV, recombinant zoster vaccine.

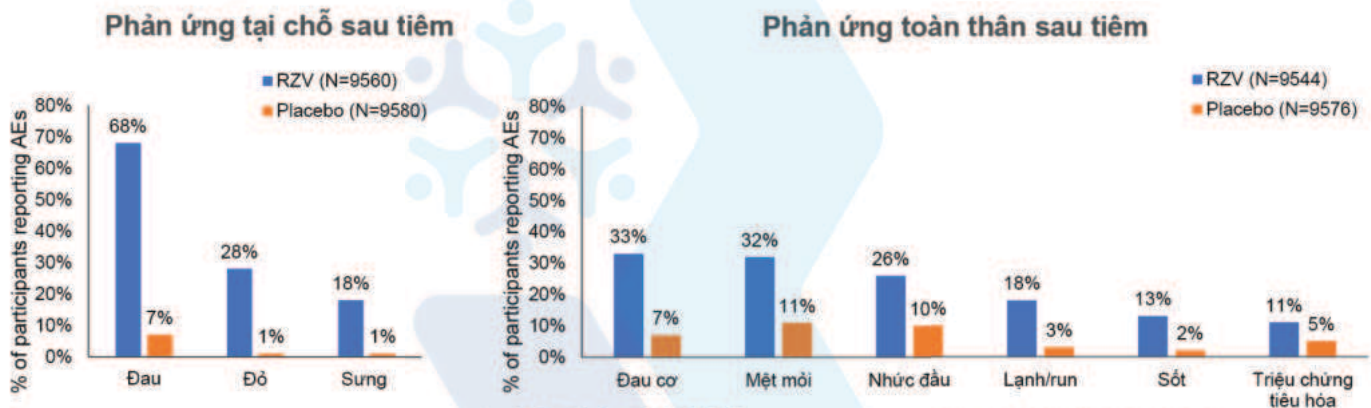
1. Cunningham AL, et al. *N Engl J Med*. 2016 Sep;375(11):1019-32. 2. Kovac M et al. *Vaccine*. 2018;36:1537-1541.

Tài liệu dành cho CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025



Tính an toàn của RZV

Hầu hết các phản ứng sau tiêm vắc xin ở mức độ nhẹ đến trung bình, với thời gian kéo dài trung vị 2-3 ngày^{1*}



No increase in serious adverse events (SAEs) in ZOE-50/70 (within 1 year of last dose; median follow-up 4.4 years; 14,645 RZV and 14,660 placebo): Overall SAEs (RZV: 10.1%; placebo: 10.4%), fatal AEs (RZV: 4.3%; placebo: 4.6%), and pIMDs (RZV: 1.2%; placebo: 1.4%).¹

Safety profile remained clinically acceptable up to year 10 post vaccination and no SAEs were considered causally related to vaccination in ZOSTER-049.²

*See study analysis in reference 1. *Median duration 3 days or less for local and 2 days or less for general symptoms.

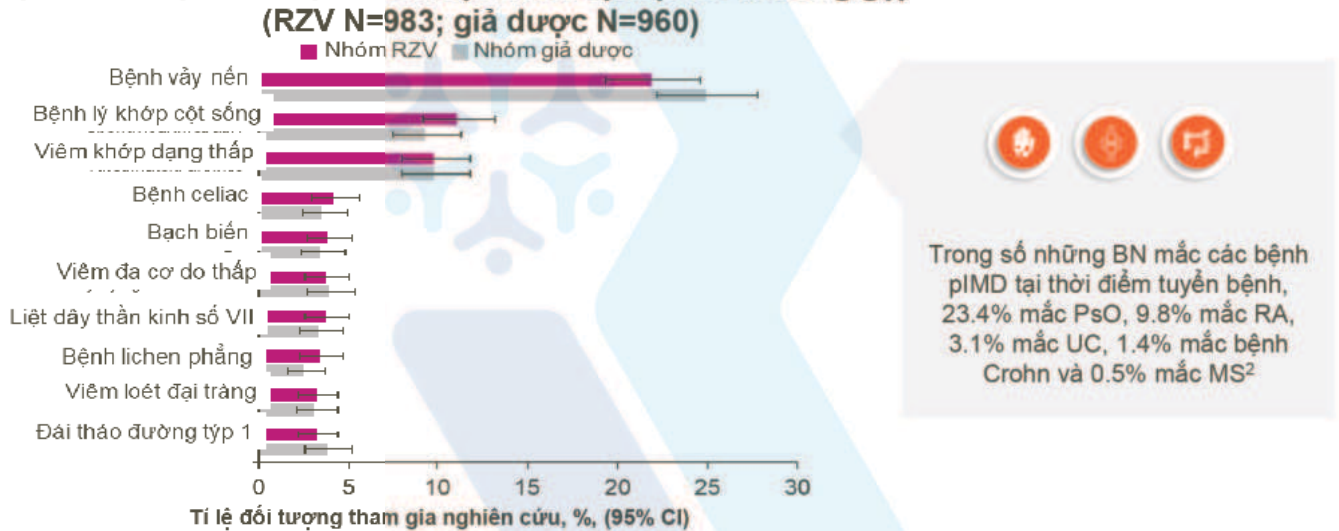
AE, adverse event; N, number of participants in the pooled total vaccinated cohort; pIMD, potential immune-mediated disease; RZV, recombinant zoster vaccine; SAE, serious adverse event

1. López-Fauqued M et al. *Vaccine* 2019;37:2482-2493 (and supplementary material); 2. Strazova A, et al. *Open Forum Infect Dis* 2022;9:oac486. 3 European Medicines Agency: Shingrix summary of product characteristics (annex 1) <https://www.ema.europa.eu/en/medicines/human/EPAR/shingrix> (accessed May 2023). Graph created by GSK from data in reference 1.

TÀI LIỆU DÀNH CHO CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025

Tỉ lệ mắc pIMD trong nghiên cứu

Tỉ lệ mắc 10 bệnh liên quan rối loạn miễn dịch pIMD thường gặp nhất



Copyright: © 2021 Dagnew AL et al. Graph reproduced under a Creative Commons Attribution License (<https://creativecommons.org/licenses/by/4.0/>)

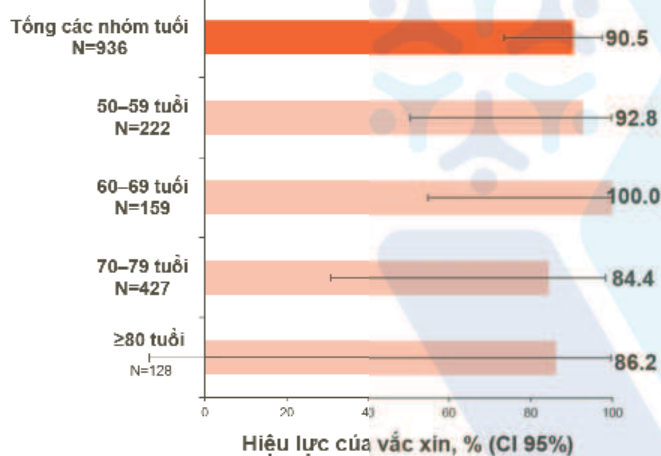
CI, confidence interval; MS, multiple sclerosis; pIMD, potential immune-mediated disease; PsO, psoriasis; RA, rheumatoid arthritis; RZV, recombinant zoster vaccine; UC, ulcerative colitis

1. Dagnew AL et al. *Rheumatology* 2021;60:1226–1233; 2. Dagnew AL et al. *Rheumatology* 2021;60:1226–1233 Supplementary Material

Tài liệu dành cho CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025

Hiệu lực và an toàn của RZV trên pIMD

Hiệu lực của vắc xin trước HZ ở các đối tượng tham gia có ≥ 1 pIMD, theo dõi trong hơn ~4 năm



Hiệu lực của RZV ở những đối tượng tham gia có các bệnh pIMD: **90.5% (CI 95%, 73.5–97.5)**

Tác dụng phụ: Tần suất SAE và SAE gây tử vong ở bệnh nhân mắc pIMD là **tương tự ở nhóm tiêm vắc xin và nhóm tiêm giả dược.***

*Tần suất được ghi nhận trong 365 ngày sau liều cuối

CI: Khoảng tin cậy; HZ: Herpes zoster; pIMD: Bệnh tiềm ẩn qua trung gian miễn dịch; RZV: Vắc xin zoster tái tổ hợp; SAE: Biến cố bất lợi nghiêm trọng

1. Dagnew AL et al. *Rheumatology* 2021;60:1226–1233; 2. Lal H et al. *N Engl J Med* 2015;372:2087–2096; 3. Cunningham AL et al. *N Engl J Med* 2016;375:1019–1032

Tài liệu dành cho CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025

Kết luận

- Zona là bệnh do tái hoạt của virus varicella zoster
- Zona có tỉ lệ cao ở người cao tuổi và người suy giảm miễn dịch do bệnh cơ xương khớp tự miễn hoặc do thuốc ức chế miễn dịch
- Cần có các biện pháp để tăng cường tỉ lệ tiêm vắc xin ngừa zona trong nhóm bệnh cơ xương khớp tự miễn
- Vắc xin ngừa zona là một công cụ hiệu quả trong giảm gánh nặng bệnh tật của bệnh nhân mắc bệnh cơ xương khớp tự miễn

27

*Thông tin tóm tắt từ nội dung đã trình bày

Tài liệu dành cho nhân viên y tế. PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD:03/25

Chi tiết liên hệ về Báo cáo Thông tin An toàn trên người và Biến cố bất lợi của thuốc

Cung cấp thông tin trực tiếp cho nhân viên của GSK
hoặc liên hệ với bộ phận phụ trách An Toàn Thuốc của GSK theo hình thức sau:

Địa chỉ	Công ty TNHH DƯỢC PHẨM GSK VIỆT NAM Phòng 702 và 703, Tầng 7, Tòa nhà Metropolitan Tower, số 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Link báo cáo	https://gskvn.live/BaocaoAE Hoặc Bác sĩ có thể quét mã QR sau: 
Điện thoại bàn	028 3824 8744 (trong giờ làm việc: 8:30 sáng – 5:30 chiều từ thứ Hai đến thứ Sáu, ngoài giờ làm việc nhấn phím # để lại lời nhắn thoại)
Điện thoại di động	0963 905235 (trong giờ làm việc: 8:30 sáng – 5:30 chiều từ thứ Hai đến thứ Sáu, ngoài giờ làm việc vui lòng để lại lời nhắn thoại sau tiếng 'beep')
E-mail	antoanthuoc.vn@gsk.com

Tài liệu dành cho CBYT, PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD 03/2025

HỘI NGHỊ KHOA HỌC NĂM 2025
LIÊN CHI HỘI BỆNH TỰ MIỄN CƠ XƯƠNG KHỚP TP.HỒ CHÍ MINH



*Chân thành cảm ơn sự chú ý lắng nghe
của Quý đồng nghiệp*



Tài liệu dành cho nhân viên y tế: PM-VN-SGX-PPTX-250017, ADD/03/25